

Nâng chất đào tạo gắn với doanh nghiệp của các ngành thuộc khoa Kinh tế - Luật Trường Đại học Tiền Giang

Trần Thị Bích Tuyền, Nguyễn Thanh Trang*

*Trường Đại học Tiền Giang

Received: 10/6/2024; Accepted: 16/6/2024; Published: 26/6/2024

Abstract: *Offering training programs in connection with businesses is crucial because it enables students to experience real-world exposure while studying at college and shorten the gap between theory and practice. Training programs can be designed to help students understand related working environment from the first year. As a result, they can make their own plans for personal development to better meet the job requirements upon their graduation.*

Keywords: *Business, practical experience, reality, training programs*

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, các Trường Đại học không ngừng cải tiến chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và xã hội. Nhiều Trường Đại học có nhiều chương trình liên kết doanh nghiệp như tham quan thực tế, kiến tập, thực tập và hợp tác phát triển chương trình đào tạo. Hợp tác với doanh nghiệp là cánh cửa mới của các Trường Đại học (Theo PGS. TS Nguyễn Hoàng Long - Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải). Hợp tác giữa nhà Trường và doanh nghiệp chính là sự hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ, chức năng của mỗi bên, của nhà trường là giáo dục, sáng tạo ra tri thức và của doanh nghiệp là sử dụng tri thức. Tuy nhiên, một trong những nguyên nhân khiến sinh viên ra trường thất nghiệp hoặc năng lực không đáp ứng yêu cầu của công việc là do thiếu kiến thức chuyên môn gắn liền thực tế, kỹ năng mềm còn hạn chế, không có kinh nghiệm làm việc. Đây là một trong những lý do quan trọng sinh viên bị đánh trượt tại vòng loại khi dự tuyển. Tại Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Tiền Giang cũng không ngoại lệ. Nhiều sinh viên ra trường được đánh giá không cao về kinh nghiệm và kỹ năng làm việc, sinh viên chưa tự tin, chưa rõ nhiệm vụ cụ thể trong thực hiện công việc. Nguyên nhân chính là do sinh viên chưa có nhiều cơ hội tiếp cận với doanh nghiệp ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Do đó, đào tạo cần gắn với thực tiễn để rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và doanh nghiệp là điều cần thiết đối với cơ sở giáo dục đại học. Bài viết này tìm hiểu thực trạng tổ chức đào tạo các ngành học của Khoa Kinh tế - Luật trong việc liên kết với doanh nghiệp hoặc tạo điều kiện cho sinh viên tiếp

cận thực tiễn xã hội. Từ đó, tác giả sẽ đề xuất các giải pháp, giúp nâng chất hoạt động dạy và học, đáp ứng được nhu cầu lao động của xã hội trong tình hình hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, Chương trình đào tạo (CTĐT) là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam. CTĐT được thực hiện thông qua các học phần trong đó nêu rõ các chuẩn đầu ra, thời lượng, nội dung giảng dạy và phương thức thực hiện.

Về doanh nghiệp, theo khoản 10 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. Có 05 loại hình doanh nghiệp, bao gồm: Doanh nghiệp tư nhân, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần và Công ty hợp danh. Ngoài các doanh nghiệp tư nhân hay liên doanh, còn có các loại hình doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Trong bài nghiên cứu này, doanh nghiệp được hiểu là bất cứ cơ sở sản xuất, kinh doanh nào, bao gồm cả tư nhân và nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoặc các tổ chức, đơn vị hành chính nơi có sử dụng người lao động các ngành, nghề mà Khoa đang tổ chức đào tạo.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu lý thuyết, thu thập phân tích nội dung của các chương trình đào tạo của Khoa Kinh tế - Luật có gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, tham khảo các nhận xét, nhận định của các chuyên gia để đề xuất các giải pháp giúp rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.

2.3. Sự cần thiết của việc kết nối với doanh nghiệp

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã khẳng định “*Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn*”.

Khi CTĐT có sự tham gia của doanh nghiệp sẽ giúp cho người học tiếp cận được với thực tế, tạo cơ hội cho người học áp dụng được các lý thuyết vào thực tiễn xã hội. Từ đó, hình thành những kỹ năng và thái độ phù hợp với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp. Các dạng thức của liên kết doanh nghiệp có thể là tiếp nhận sinh viên thực tập, trao đổi sinh viên. Khi nghiên cứu về sự gắn kết của doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Lê Khánh Linh (2021) đã khẳng định sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo là cần thiết, nhà trường và doanh nghiệp cần phối hợp với nhau để tạo ra nguồn lực gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nghiên cứu của Mai Thị Thu Trang (2017) khẳng định rằng tỉ lệ thất nghiệp của sinh viên sau khi ra trường còn cao, chưa đáp ứng nhu cầu của công việc. Một trong những nguyên nhân dẫn đến vấn đề này là do các cơ sở đào tạo chưa chú trọng đến khả năng thực hành, thực tập của sinh viên

2.4. Thực trạng giảng dạy các học phần gắn với thực tế, thực tập tại Khoa Kinh tế - Luật

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã khẳng định “*Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn*”.

Khi CTĐT có sự tham gia của doanh nghiệp sẽ giúp cho người học tiếp cận được với thực tế, tạo cơ hội cho người học áp dụng được các lý thuyết vào thực tiễn xã hội. Từ đó, hình thành những kỹ năng và thái độ phù hợp với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp. Các dạng thức của liên kết doanh nghiệp có

thể là tiếp nhận sinh viên thực tập, trao đổi sinh viên. Khi nghiên cứu về sự gắn kết của doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Lê Khánh Linh (2021) đã khẳng định sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo là cần thiết, nhà trường và doanh nghiệp cần phối hợp với nhau để tạo ra nguồn lực gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nghiên cứu của Mai Thị Thu Trang (2017) khẳng định rằng tỉ lệ thất nghiệp của sinh viên sau khi ra trường còn cao, chưa đáp ứng nhu cầu của công việc. Một trong những nguyên nhân dẫn đến vấn đề này là do các cơ sở đào tạo chưa chú trọng đến khả năng thực hành, thực tập của sinh viên.

Tại Việt Nam, thực trạng hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo thường là kiến tập, các hoạt động tài trợ, trao học bổng, xây dựng chương trình đào tạo chiếm tỉ lệ tương ứng là 90%, 70% và 30%. Trong khi đó, chỉ có 4% doanh nghiệp hợp tác với cơ sở giáo dục thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ (Đại học Hồng Đức, 2002). Mặc dù nhà nước đã có những chủ trương về chính sách về thúc đẩy hợp tác giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp nhưng thực tế sự hợp tác này chưa phát huy được sự gắn kết, phụ thuộc và hỗ trợ lẫn nhau của hai bên.

Tại Khoa Kinh tế - Luật, phương pháp giảng dạy chủ yếu là thuyết giảng, một số học phần có sử dụng phòng máy tính để thực hiện các nội dung mô phỏng sử dụng phần mềm chuyên ngành hoặc thực hiện các nội dung giảng dạy có liên quan đến môi trường số. Số giờ thảo luận tại lớp cũng tương đối hạn chế. Các nội dung thực tế, thực tập tại doanh nghiệp bao gồm các học phần Thực tế và Thực tập khóa luận cuối khóa hoặc thực tập chuyên đề tốt nghiệp.

Tỉ trọng giữa phần lý thuyết học tại lớp và thời gian học, kiến tập tại doanh nghiệp chênh lệch khá lớn. Nếu tính theo tín chỉ thì tỉ lệ giữa thực hành, thực tế thấp nhất là 6/116 (chiếm 4,8%) thuộc ngành Kế toán và cao nhất là 16/110 (chiếm 12,7%). Nếu tính theo giờ học tập, tỉ lệ này còn thấp hơn do sinh viên có thể chọn khóa luận hoặc thực tập chuyên đề và học các học phần thay thế. Tỉ lệ số giờ thực tế, thực hành tại doanh nghiệp tối thiểu là 180 giờ ở ngành Kế toán và Luật, kể đến là ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng và ngành Kinh tế với số giờ là 225 giờ. Du lịch có số giờ thực tế, thực tập tại doanh nghiệp tối thiểu phải là 630 giờ. Như vậy, CTĐT ngành Du lịch có thời gian học tập thực tế và trải nghiệm tại công ty có tỉ trọng lớn nhất trong số các ngành đào tạo tại Khoa và ngành Kế toán có số

giờ thực tế, thực hành tại doanh nghiệp ít nhất

2.3. Nâng chất đào tạo gắn với doanh nghiệp của các ngành thuộc khoa Kinh tế - Luật Trường Đại học Tiền Giang

2.3.1. Đối với Khoa Kinh tế - Luật và giảng viên

Một là, điều chỉnh chương trình đào tạo trên cơ sở tăng cường các học phần có gắn kết doanh nghiệp như tham quan, kiến tập, mời báo cáo viên từ doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp liên tiếp trong 4 năm học.

Các học phần nên gắn với thực tế để rút ngắn khoảng cách giữa thực trạng. Có thể gửi sinh viên đi kiến tập từ năm nhất để sinh viên có thể biết về thực trạng và yêu cầu của công việc sau khi tốt nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể xác định mục tiêu học tập và lập kế hoạch trang bị các kiến thức, kỹ năng phù hợp với điều kiện thực tế của xã hội và của cá nhân. Vào năm 2 thì Trường hoặc Khoa nên tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với các doanh nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành để sinh viên có thể định hướng công việc. Việc này có thể được thực hiện thông qua việc Khoa hoặc giảng viên giảng dạy chuyên ngành mời báo cáo viên đến trao đổi, thảo luận với sinh viên trong lớp học hoặc tổ chức cho sinh viên tham gia hội thảo, hội nghị chuyên ngành. Vào năm 3, tổ chức cho sinh viên sang thực tập ở các doanh nghiệp trong thời gian 5-7 tuần để vận dụng kiến thức đã học, cũng như tạo điều kiện thuận lợi phát hiện điểm yếu, điểm mạnh của bản thân. Học kỳ cuối cùng trước khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ thực hiện học kỳ thực tập tại doanh nghiệp. Đây là cơ hội cho sinh viên chứng tỏ năng lực với doanh nghiệp, nắm bắt cơ hội việc làm, có thể xem đây là thời gian thử việc của sinh viên tại doanh nghiệp.

Hai là, phát huy vai trò quan trọng của “giảng viên doanh nhân”. Giảng viên thuộc các ngành Kinh tế - Luật có kinh nghiệm làm việc tại các doanh nghiệp, đặc biệt là có kinh doanh, điều hành doanh nghiệp. Bộ môn chuyên ngành cần phân công các học phần phát huy tính thực tiễn của giảng viên doanh nhân, một trong những nguồn lực đặc biệt của nhà Trường để thu hút sinh viên tham gia lớp học và học tập có hiệu quả.

2.3.2. Đối với Trường Đại học Tiền Giang

Có thể liên kết đào tạo với doanh nghiệp để đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, phối hợp với doanh nghiệp đào tạo các lớp ngắn hạn để người học đã tốt nghiệp hoặc người quan tâm có thể tham gia học tập, nâng cao trình độ, đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu của công việc.

Nhà trường cũng có thể xây dựng chương trình

đào tạo gắn với các yêu cầu của nghề nghiệp và tổ chức đào tạo cấp chứng chỉ đối với một số học phần trong chương trình đào tạo. Điều này sẽ giúp tạo nguồn thu cho Trường và sinh viên có cơ hội tiếp cận với đối tượng là người đang làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành có nhu cầu học lấy chứng chỉ, đáp ứng các yêu cầu về trang bị cho vị trí việc làm hiện tại của họ.

Ngoài ra, Trường có thể tổ chức các trung tâm tư vấn, chuyển giao khoa học, công nghệ từ các nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên nhằm giúp gia tăng sự kết nối giữa doanh nghiệp và nhà trường. Các nghiên cứu của giảng viên và sinh viên cần được phổ biến rộng rãi và mang lại hiệu quả thiết thực cũng như gắn với thực tiễn. Doanh nghiệp khi có vấn đề khó khăn có thể đặt hàng cho Trường nghiên cứu giải quyết. Giải pháp này sẽ mang lại lợi ích cho hai bên và cũng tạo điều kiện kết nối giữa giảng viên, sinh viên và doanh nghiệp.

Nhà trường cũng có thể liên kết hoặc thành lập doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đối với chuyên ngành vốn là thế mạnh của Trường. Từ đó xây dựng thương hiệu và sinh viên có điều kiện thuận lợi hơn trong việc thực tập, thực hành và ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

3. Kết luận

Hiện nay việc kết nối giữa doanh nghiệp và nhà trường nói chung chưa thật sự vững mạnh. Tại Khoa Kinh tế - Luật, việc kết nối cũng không phải là ngoại lệ. Thực tế tại Khoa Kinh tế - Luật, tỉ lệ giữa lý thuyết và thực hành chênh lệch khá lớn, phương pháp giảng dạy chủ yếu là lý thuyết và chưa có nhiều sự kết nối với doanh nghiệp, sinh viên cũng chưa có nhiều cơ hội kiến tập, thực tập, thực hành trong môi trường kinh doanh, sản xuất thực tiễn. Do đó, các bộ môn, giảng viên cần nỗ lực, phối hợp để cùng nhà trường tạo ra sự kết nối với doanh nghiệp, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể thích nghi tốt với công việc. Điều này cũng giúp cho việc dạy và học đạt chất lượng cao hơn, khẳng định uy tín và thương hiệu của ngành, của Khoa và của Trường.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và an hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

2. Chương trình đào tạo Khóa 23 các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán, Luật và Du lịch.